



Thực trạng nhận thức về phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học Trường Đại học Tân Trào

Hà Mỹ Hạnh^{a*}

^a Trường Đại học Tân Trào

*Email: hamyhanhedu@gmail.com

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

15/3/2019

Ngày duyệt đăng:

10/9/2019

Từ khóa:

Thực trạng nhận thức, phát triển năng lực, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, năng lực tổ chức.

Tóm tắt

Nghiên cứu thực trạng nhận thức của giảng viên và sinh viên về phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo không chỉ có tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay mà còn giúp thu thập thông tin, số liệu thực tế, phân tích và đánh giá thực trạng nhận thức từ đó chỉ ra nguyên nhân nhận thức của giảng viên và sinh viên về phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Bài viết đi sâu phân tích thực trạng nhận thức của giảng viên và sinh viên về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học Trường Đại học Tân Trào.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn khác nhau của đời sống gia đình, nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo được xác định là một trong những hoạt động trong chương trình học tập của học sinh từ tiểu học, THCS đến học sinh THPT. Chính vì thế, chương trình hoạt động trải nghiệm sáng tạo được chính thức ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc *ban hành chương trình giáo dục phổ thông* [3]. Để đạt được mục tiêu mà chương trình giáo dục phổ thông mới đòi hỏi người giáo viên phải có năng lực tổ chức hoạt động, muốn vậy ngay từ khi đào tạo nghề trong các trường chuyên nghiệp thì người học cần được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ về tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Để tìm hiểu thực trạng nhận thức về phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên giáo dục tiểu học Trường Đại học Tân Trào tác giả đã tiến hành khảo sát kết hợp với phỏng vấn, quan sát giảng viên và sinh viên.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về Trường Đại học Tân Trào

Trường Đại học Tân Trào tiền thân là trường Sơ cấp Sư phạm Tuyên Quang được thành lập từ năm 1959. Trải qua quá trình phát triển, nhà trường đã nhiều lần thay đổi địa điểm cũng như tên gọi, đến ngày 11/2/1999, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 18/1999/QĐ-TTg nâng cấp trường Trung cấp Sư phạm Tuyên Quang lên thành trường Cao đẳng Sư phạm Tuyên Quang. Ngày 30 tháng 6 năm 2010 Trường Cao đẳng Sư phạm Tuyên Quang được Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2651/QĐ-BGDĐT đổi tên thành trường Cao đẳng Tuyên Quang để đào tạo đa ngành. Ngày 14/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1404/QĐ-TTg Thành lập Trường Đại học Tân Trào trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Tuyên Quang.

Bộ máy của Trường Đại học Tân Trào hiện tại gồm 3 khối: Khối giảng dạy và nghiên cứu gồm 8 khoa, bộ môn gồm: Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Tâm lý - Giáo dục và Công tác xã hội, Khoa Giáo dục Tiểu học, Khoa Giáo dục mầm non, Khoa Kinh tế - Quản trị và kinh doanh, Khoa Nông lâm ngư nghiệp, Khoa Văn hóa – Du lịch, Bộ môn Lý luận chính trị; Khối quản lý có 9 phòng, ban; Khối ứng dụng, nghiên cứu khoa học và dịch vụ gồm 5 trung tâm.

Năm 2018 số tiến sĩ của nhà trường là 32 người, thạc sĩ có 170 người (100% số GV trực tiếp giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó 15,8% có trình độ tiến sĩ, đảm bảo đúng theo mục tiêu nhiệm vụ đã đặt ra của năm 2018), đang học sau đại học là 08 người, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước là 38 người.

Chương trình ngành giáo dục tiểu học được chỉnh sửa năm 2018 đã bổ sung môn học HĐTNST nhằm đáp ứng đổi mới trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho SV ngành Giáo dục Tiểu học trường Đại học Tân Trào là hoạt động quan trọng góp phần phát triển các năng lực dạy học cần thiết cho sinh viên đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục. Với nghĩa như trên bài báo đi sâu tìm hiểu về nhận thức của cán bộ giảng viên và sinh viên trong việc tổ chức HĐTNST ở Trường Đại học Tân Trào.

2.2. Khái quát chung về khảo sát thực trạng

2.2.1. Mục tiêu khảo sát

Thu thập tình hình khách quan, số liệu thực tế về nhận thức của GV, SV về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST. Khái quát hóa, phân tích và đánh giá tình hình thực trạng nhận thức của GV, SV về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST từ đó rút ra những thuận lợi, khó khăn, rào cản và nguyên nhân của các vấn đề nhận thức của GV, SV về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST

2.2.2. Đối tượng khảo sát

Tiến hành khảo sát các đối tượng GV, SV ngành GDTH thuộc trường Đại học Tân Trào cụ thể: Tổng số GV được điều tra là 30 người. Phần lớn số GV được điều tra là những người có kinh nghiệm giảng dạy, có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Tổng số SV được điều tra là 156 người. Sau khi sàng lọc loại bỏ những phiếu không đảm bảo yêu cầu điều tra còn lại đã đưa vào xử lý 152 phiếu.

2.2.3. Phương pháp khảo sát

- *Khảo sát bằng phiếu hỏi:* để điều tra GV và SV trường Đại học Tân Trào theo những nội dung được thể hiện qua phiếu khảo sát

- *Phương pháp quan sát sự phạm:* quan sát các hoạt động giáo dục, dạy học, hoạt động thực tế, hoạt động Đoàn, Đội và Hội SV...

- *Phương pháp phỏng vấn:* Tiến hành phỏng vấn GV, SV để làm rõ những vấn đề mà bảng hỏi và quan sát chưa thu thập được.

2.3. Kết quả khảo sát nhận thức của giảng viên và sinh viên về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên giáo dục tiểu học

2.3.1. Nhận thức của giảng viên

GV có nhận thức đúng về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST có tác động rất lớn đến kết quả đào tạo, đặc biệt giúp cho hoạt động dạy học của GV được thực hiện theo hướng phát triển năng lực tổ chức HĐTNST cho SV một cách có hiệu quả được.

Bảng 2.1a Nhận thức của GV về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST

Ý nghĩa	Mức độ									
	1		2		3		4		5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Giúp sinh viên có năng lực tổ chức HĐTNST	0	0	2	6,7	4	13,3	5	16,7	19	63,3
2. Giúp sinh viên khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên	0	0	0,0	0,0	5	16,7	4	13,3	21	70,0
3. Giúp sinh viên đạt được mục tiêu trong tổ chức các hoạt động	0	0	0	0,0	4	13,3	6	20,0	20	66,7
4. Giúp sinh viên tự tin trong tổ chức các HĐTNST	0	0	2	6,7	2	6,7	7	23,3	19	63,3
5. Giúp sinh viên có kĩ năng thích ứng	0	0	1	3,3	3	10,0	8	26,7	18	60,0

Kết quả được thể hiện ở bảng 2.1.a cho thấy: Nhận thức của GV mặc dù có sự khác nhau, nhìn chung GV đều nhận thức được ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST. Đa số GV cho điểm cao nhất (điểm 5) đối với tiêu chí: Giúp SV khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên chiếm 70% xếp thứ bậc 1, Giúp sinh viên đạt được mục tiêu trong tổ chức các hoạt động 66,7% xếp thứ bậc 2. Ở mức điểm 4 tiêu chí: Giúp sinh viên có kĩ năng thích ứng 26,7 % xếp thứ

bậc 1 và Giúp sinh viên tự tin trong tổ chức các HĐTNST 23,3% xếp thứ bậc 2. Ở Mức 3 điểm tiêu chí: Giúp sinh viên khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên chiếm 16,7 %, Giúp sinh viên có năng lực tổ chức HĐNTST và Giúp sinh viên khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên chiếm 13,3 % và Ở mức độ điểm 2: Giúp sinh viên có năng lực tổ chức HĐNTST và Giúp sinh viên tự tin trong tổ chức các HĐTNST chiếm 6,7%; mức điểm 1 không có GV nào lựa chọn.

Để làm rõ sự đánh giá của GV về vấn đề này, tôi đã tiến hành phỏng vấn sâu đối với một số GV thông qua câu hỏi: *Tại sao Thầy (Cô) đánh giá cao ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST trong việc giúp SV khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên hơn các tiêu chí khác?*

Kết quả thu được từ phỏng vấn cho thấy 5/5 GV cho rằng việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST hiện nay là rất cần thiết đối với tất cả các tiêu chí trên nhưng để xếp theo thứ tự từ thấp đến cao thì tiêu chí giúp SV khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên được đánh giá cao hơn cả là vì để đáp ứng được chương trình giáo dục phổ thông mới thì người giáo viên tiểu học cần phải có kỹ năng tổ chức HĐTNST, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận không nhỏ GV chưa đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và còn nhiều SV chưa xin được việc sau khi ra trường do họ còn thiếu kỹ năng đặc biệt là kỹ năng tổ chức HĐTNST. Phần lớn thời gian công tác giáo viên tập trung vào hoạt động dạy học trên lớp ít có các hoạt động vượt ra khỏi khuôn khổ nhà trường, do vậy họ còn tỏ ra lúng túng, chưa đem lại kết quả cao khi tổ chức các HĐTNST vì thế việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST cho SV GDTH hiện nay là rất cần thiết góp phần đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên sau khi ra trường.

Từ kết quả khảo sát qua phiếu hỏi và phỏng vấn có thể thấy hầu hết GV nhận thức được ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST cho SV GDTH đối với 5 tiêu chí trên. Phần lớn GV đều đánh giá cao tiêu chí: Giúp SV khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp GV là do yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đặc biệt là tiểu học.

2.3.2. Nhận thức của sinh viên

SV nhận thức đúng ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST có tác động rất lớn đến ý thức, thái độ, hành động trong quá trình học tập của SV

Bảng 2.1.b Nhận thức của SV về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST

Ý nghĩa	Mức độ									
	1		2		3		4		5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Giúp sinh viên có năng lực tổ chức HĐTNST	0	0	6	6,1	17	11,2	31	20,4	98	64,5
2. Giúp sinh viên khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên	0	0	0	0,0	12	7,9	21	13,8	119	78,3
3. Giúp sinh viên đạt được mục tiêu trong tổ chức các hoạt động	0	0	0	0,0	14	9,2	20	13,2	118	77,6
4. Giúp sinh viên tự tin trong tổ chức các HĐTNST	0	0	8	6,9	15	9,9	13	8,6	116	76,3
5. Giúp sinh viên có kỹ năng thích ứng	0	0	6	5,1	10	6,6	18	11,8	118	77,6

Từ kết quả của bảng 2.1.b cho thấy mặc dù nhận thức của GV và SV có sự khác biệt và chênh lệch, song cũng giống GV, đa số SV đều nhận thức được ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST đối với 5 tiêu chí trên. Cụ thể: ở mức 5 điểm phần lớn SV đánh giá cao đối với tiêu chí: Giúp SV khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên chiếm 78,3 % xếp thứ bậc 1, Giúp sinh viên đạt được mục tiêu trong tổ chức các hoạt động; Giúp sinh viên có kỹ năng thích ứng đều chiếm 77,6 % xếp thứ bậc 2. Ở mức 4 điểm tiêu chí: Giúp sinh viên có năng lực tổ chức HĐTNST chiếm 20,4 % xếp thứ bậc 1 và Giúp sinh viên có kỹ năng thích ứng chiếm 13,8 % xếp thứ bậc 2. Ở mức điểm thấp hơn (điểm 3) tiêu chí: Giúp sinh viên có năng lực tổ chức HĐTNST 11,2% xếp thứ bậc 1 và Giúp sinh viên tự tin trong tổ chức các HĐTNST chiếm 9,9% xếp thứ bậc 2. Ở mức độ điểm 2: Giúp sinh viên tự tin trong tổ chức các HĐTNST chiếm 6,9%; mức 1 điểm không có SV nào lựa chọn. Như vậy, nhận thức của SV có sự chênh lệch với GV nhưng điều này nó cũng phản ánh đúng sự khác biệt trong nhận thức của GV và SV. Kết quả khảo sát cho thấy về cơ bản hầu hết cả GV và SV đều cho điểm cao hai tiêu chí: Giúp SV khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên và Giúp sinh viên đạt được mục tiêu trong tổ chức các hoạt động. Bên cạnh đó vẫn còn số ít SV chưa nhận thức được hết ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST

Qua quan sát hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường tôi nhận thấy phần lớn GV và SV đều rất mong muốn được tham gia vào các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động của Đoàn, Hội sinh viên... chỉ có một bộ phận nhỏ GV và SV họ

chưa tích cực vì nhiều nguyên nhân khác nhau: hoàn cảnh gia đình, công việc, về thời gian, ngại hoạt động, vì thấy không cần thiết....

Đánh giá chung: Nhận thức của phần lớn GV và SV về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST nói chung là đúng đắn, đồng thời họ cũng đánh giá cao vai trò của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST góp phần giúp SV khi ra trường đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên và giúp sinh viên đạt được mục tiêu trong tổ chức các hoạt động. Tuy nhiên, còn một bộ phận nhỏ nhận thức chưa hoàn toàn đầy đủ về việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST, vì vậy cần phải nâng cao nhận thức cho GV, SV về việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST là việc làm thường xuyên và cần thiết.

3. Kết luận

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo chính thức được đưa vào giải dạy chương trình giáo dục phổ thông mới do vậy việc tìm hiểu nhận GV và SV về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST cho sinh viên ngành GDTH là việc làm rất cần thiết vì nhận thức đúng sẽ là cơ sở để quá trình phát triển năng lực tổ chức HĐTNST cho sinh viên ngành GDTH mới mang lại kết quả cao.

Kết quả khảo sát từ phiếu hỏi, phỏng vấn và quan sát cho thấy nhìn chung GV, SV trường Đại học Tân Trào có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST. Tuy nhiên, còn một bộ phận nhỏ nhận thức chưa hoàn toàn đầy đủ về việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST, vì vậy cần phải nâng cao nhận thức cho GV, SV về việc phát triển năng lực tổ chức HĐTNST là việc làm thường xuyên và cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (2018), chương trình Giáo dục phổ thông, Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.
2. Đề án chiến lược phát triển trường Đại học Tân Trào giai đoạn 2018 – 2025, định hướng 2030.
3. Nông Thị Thành (2017), “Thực trạng tổ chức các Hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tiên Dương, Đông Anh ,Hà Nội”, Khóa luận tốt nghiệp.
4. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông
5. Phạm Hữu Vang, (2016) đề cập tới vấn đề “*Tổ chức HĐTNST theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường THCS huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang*”.

Current status of awareness about developing capacity for organizing creative experienced activities for students of primary education in Tan Trao University

Ha My Hanh

Article info

Received:

15/3/2019

Accepted:

10/9/2019

Keywords:

Current situation, awareness, capacity development, creative experience activities, organizational capacity.

Abstract

Researching the awareness of teachers and students about the meaning of developing organizational capacity for creative experience not only has an urgent meaning in the current period but also helps to collect information and numbers. Actual data, analysis and assessment of cognitive status from which point out the cognitive causes of teachers and students about developing capacity to organize creative experience activities. The article deeply analyzes the real situation of teachers and students about the meaning of developing the capacity to organize creative experiences for students of primary education at Tan Trao University.